

Số: 1264/QĐ-SYT

Kiên Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đủ điều kiện đăng ký  
khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2022**

### **GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế ban hành Quy định về việc chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế Quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 1467/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Bảo hiểm y tế và Hành nghề Y Dược.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này: “Danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đủ điều kiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2022” (Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 318/QĐ-SYT ngày 11/5/2021 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách các

cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đủ điều kiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2021.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng, trưởng các phòng chức năng, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /- 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban tổ chức Tỉnh ủy;
- TT. UBND tỉnh;
- Bộ Tư lệnh Hải quân Vùng 5;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Bộ chỉ huy Quân sự;
- Mặt trận TQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở Ban ngành cấp tỉnh;
- BGĐ Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành phố;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT. PQLBHYT&HNYD (02b).

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Văn Phúc**

## DANH SÁCH

### Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đủ điều kiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu năm 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: <sup>1264</sup>/QĐ-SYT ngày 10 tháng 12 năm 2021  
của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)

| STT | Mã CSYT | Tên CSYT                                        | Tuyến CMKT | Hạng cơ sở    | Địa chỉ                                                                | Ghi chú                                                       |
|-----|---------|-------------------------------------------------|------------|---------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1   | 91001   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang               | Tỉnh       | Hạng 1        | Số 13 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá       |                                                               |
| 2   | 91102   | Khoa Cán bộ - Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang | Tỉnh       |               | Số 13 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá       | Theo Quy định 172/QĐ-TU ngày 29/3/2021 của Tỉnh ủy Kiên Giang |
| 3   | 91014   | Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Kiên Giang      | Tỉnh       | Hạng 2        | Số 64 đường Đồng Đa, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá               |                                                               |
| 4   | 91917   | Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Kiên Giang               | Tỉnh       | Hạng 2        | Số 3 đường Ung Văn Khiêm, khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá |                                                               |
| 5   | 91920   | Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang              | Tỉnh       | Hạng 2        | Số 15 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá,            |                                                               |
| 6   | 91912   | Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Kiên Giang      | Tỉnh       | Hạng 3        | Áp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành                       |                                                               |
| 7   | 91915   | Bệnh viện Tâm thần tỉnh Kiên Giang              | Tỉnh       | Hạng 3        | Áp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành                       |                                                               |
| 8   | 91034   | Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An               | Huyện      | Chưa xếp hạng | Số 80-82 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá  |                                                               |
| 9   | 91042   | Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc       | Huyện      | Chưa xếp hạng | khu Bãi Dài, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc                           |                                                               |
| 10  | 91041   | Phòng khám đa khoa Thanh Bình                   | Huyện      | Chưa xếp hạng | thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành                                  |                                                               |

|    |       |                                                                               |       |               |                                                                                  |  |
|----|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------|--|
| 10 | 91045 | Phòng khám đa khoa Mỹ Hạnh                                                    | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 236, Quốc lộ 80, khu phố Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương        |  |
| 11 | 91047 | Phòng khám đa khoa Nhân Hậu Phú Cường                                         | Huyện | Chưa xếp hạng | P10 Số 32-36 Đường số 9, khu đô thị Phú Cường, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá |  |
| 12 | 91048 | Phòng khám đa khoa Thanh Bình Sóc Xoài - Công ty cổ phần bệnh viện Thanh Bình | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 611 khu phố Thành Công, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất                       |  |
| 13 | 91049 | Phòng khám đa khoa Bình Dương                                                 | Huyện | Chưa xếp hạng | Đường Trần Đại Nghĩa, Tổ 10, khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng  |  |
| 14 | 91050 | Phòng khám đa khoa Vạn Phước Sóc Xoài                                         | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 645 khu Phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất                           |  |
| 15 | 91051 | Phòng khám đa khoa Trung Cang                                                 | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 205 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá                      |  |
| 16 | 91053 | Phòng khám đa khoa Đông An                                                    | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 119 khu phố Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp                        |  |
| 17 | 91054 | Phòng khám đa khoa Phi Thông                                                  | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 628 đường 30/4, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá                              |  |
| 18 | 91055 | Phòng khám đa khoa 30/4 Phú Quốc                                              | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 140 đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, thành phố Phú Quốc            |  |
| 19 | 91056 | Phòng khám đa khoa Đặng Phúc                                                  | Huyện | Chưa xếp hạng | Tổ 9, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên                                    |  |
| 20 | 91057 | Phòng khám đa khoa Bình Dương - Chi nhánh Đường Xuồng                         | Huyện | Chưa xếp hạng | Áp Đường Xuồng, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng                                 |  |
| 21 | 98491 | Bệnh xá Công an tỉnh Kiên Giang                                               | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 28 đường Mạc Đĩnh Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá                  |  |
| 22 | 91914 | Phòng khám đa khoa Bác Sĩ Bảnh                                                | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 229, khu phố 3, thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên                                |  |
| 23 | 91916 | Phòng khám đa khoa Thanh Nguyên                                               | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 382/1 ấp Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp                               |  |
| 24 | 91918 | Phòng khám đa khoa Liên Hương                                                 | Huyện | Chưa xếp hạng | Số 103 đường Lộ Liên Hương, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá                |  |

|    |              |                                              |              |               |                                                                                                                 |  |
|----|--------------|----------------------------------------------|--------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 25 | 91923        | Phòng khám đa khoa Thiện Mỹ                  | Huyện        | Chưa xếp hạng | Số 1089D Lâm Quang Ky, phường An Hòa, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang                                              |  |
| 26 | 91046        | Phòng khám đa khoa An Hòa                    | Huyện        | Chưa xếp hạng | Lô L10 căn 20, 21, 22 đường Phan Thị Ràng, tổ 12, khu phố 4, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
| 27 | 91913        | Phòng khám đa khoa S.O.S Phú Quốc cơ sở 1    | Huyện        | Chưa xếp hạng | Số 269 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang                     |  |
| 28 | 91052        | Phòng khám đa khoa Minh Thắng                | Huyện        | Chưa xếp hạng | Số 28 đường Lê Hồng Phong, Khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc                                     |  |
| 29 | 91919        | Phòng khám đa khoa Sóc Ven                   | Huyện        | Chưa xếp hạng | Lô L1-10-L17 đường số 10 Chợ và Khu dân cư, xã Định An, huyện Gò Quao                                           |  |
| 30 | 91921        | Phòng khám đa khoa Khu Công Nghiệp Thạnh Lộc | Huyện        | Chưa xếp hạng | Thửa đất số 1562, ấp Hòa Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành                                                    |  |
| 31 | 91922        | Phòng khám đa khoa Thanh Bình Sóc Ven        | Huyện        | Chưa xếp hạng | Số nhà H4-10 đường số 02 Chợ và Khu dân cư, xã Định An, huyện Gò Quao                                           |  |
| 25 | <b>91101</b> | <b>Trung tâm y tế thành phố Rạch Giá</b>     | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Số 2 Âu Cơ, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá</b>                                                          |  |
| 26 | 91103        | Trạm y tế phường Vĩnh Lợi                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 71 đường Mai Thị Hồng Hạnh, khu Phố 3, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá                                   |  |
| 27 | 91104        | Trạm y tế xã Phi Thông                       | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 766 ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá                                                              |  |
| 28 | 91105        | Trạm y tế phường An Hòa                      | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 66 đường Trần Khánh Dư, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá                                                    |  |
| 29 | 91106        | Trạm y tế phường Vĩnh Quang                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 152 đường Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá                                                 |  |
| 30 | 91107        | Trạm y tế phường Vĩnh Hiệp                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu phố Vĩnh Phát, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá                                                         |  |
| 31 | 91108        | Trạm y tế phường Vĩnh Lạc                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 444A đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá                                                    |  |

|    |       |                                          |              |               |                                                                                      |  |
|----|-------|------------------------------------------|--------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 32 | 91109 | Trạm y tế phường Vĩnh Thanh              | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 230 đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá                          |  |
| 33 | 91110 | Trạm y tế phường Vĩnh Thanh Vân          | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 13 đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá                    |  |
| 34 | 91112 | Trạm y tế phường Vĩnh Thông              | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu phố 3, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá                                     |  |
| 35 | 91113 | Trạm y tế phường Rạch Sỏi                | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu phố 6, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá                                       |  |
| 36 | 91114 | Trạm y tế phường An Bình                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 48 đường Trần Quý Cáp, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá                          |  |
| 37 | 91115 | Trạm y tế phường Vĩnh Bảo                | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 2 đường Phạm Hùng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá                            |  |
| 38 | 91002 | <b>Trung tâm y tế thành phố Hà Tiên</b>  | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Số 65 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên</b> |  |
| 39 | 91202 | Trạm y tế phường Đông Hồ                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu phố 5, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên                                         |  |
| 40 | 91203 | Trạm y tế phường Pháo Đài                | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu phố 2, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên                                        |  |
| 41 | 91205 | Trạm y tế phường Mỹ Đức                  | Xã           | Chưa xếp hạng | khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức, thành phố Hà Tiên                                 |  |
| 42 | 91206 | Trạm y tế xã Thuận Yên                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Hòa Phẫu, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên                                         |  |
| 43 | 91207 | Trạm y tế xã Tiên Hải                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Hòn Tre, xã Tiên Hải, thành phố Hà Tiên                                           |  |
| 44 | 91201 | Trạm y tế phường Bình San                | Xã           | Chưa xếp hạng | Quốc lộ 80, phường Bình San, thành phố Hà Tiên                                       |  |
| 45 | 91204 | Trạm y tế phường Tô Châu                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên                                                    |  |
| 44 | 91011 | <b>Trung tâm y tế thành phố Phú Quốc</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 2</b> | <b>Số 128 đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, thành phố Phú Quốc</b>         |  |
| 45 | 91030 | Trạm y tế phường Dương Đông              | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 94 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 8, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc      |  |

|    |              |                                        |              |               |                                                                          |
|----|--------------|----------------------------------------|--------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 46 | 91352        | Trạm y tế phường An Thới               | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 93 đường Nguyễn Văn Cừ, khu Phố 3, phường An Thới, thành phố Phú Quốc |
| 47 | 91353        | Trạm y tế xã Bãi Thơm                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc                             |
| 48 | 91354        | Trạm y tế xã Cửa Cạn                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Lê Bát, xã Cửa Cạn, thành phố Phú Quốc                                |
| 49 | 91355        | Trạm y tế xã Cửa Dương                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Búng Gội, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc                            |
| 50 | 91356        | Trạm y tế xã Dương Tơ                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc                              |
| 51 | 91357        | Trạm y tế xã Gành Dầu                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Gành Dầu, xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc                             |
| 52 | 91358        | Trạm y tế xã Hàm Ninh                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc                             |
| 53 | 91359        | Trạm y tế xã Thổ Châu                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bãi Ngự, xã Thổ Châu, thành phố Phú Quốc                              |
| 54 | 91360        | Trạm y tế xã Hòn Thơm                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bãi Nam, xã Hòn Thơm, thành phố Phú Quốc                              |
| 55 | <b>91010</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 2</b> | <b>Khu phố Vĩnh Phước 2, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận</b>       |
| 56 | 91029        | Trạm y tế thị trấn Vĩnh Thuận          | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu phố Vĩnh Đông 1, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận               |
| 57 | 91032        | Trạm y tế xã Phong Đông                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Thạnh Đông, xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận                           |
| 58 | 91251        | Trạm y tế xã Bình Minh                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bình Minh, xã Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận                             |
| 59 | 91252        | Trạm y tế xã Vĩnh Phong                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Cạnh Đèn, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận                             |
| 60 | 91253        | Trạm y tế xã Vĩnh Thuận                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Vĩnh Trinh, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận                           |
| 61 | 91255        | Trạm y tế xã Vĩnh Bình Bắc             | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Hiệp Hòa, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận                          |
| 62 | 91256        | Trạm y tế xã Vĩnh Bình Nam             | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bời Lời A, xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận                         |

|    |              |                                        |              |               |                                                                             |  |
|----|--------------|----------------------------------------|--------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| 63 | 91258        | Trạm y tế xã Tân Thuận                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Kinh 1A, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận                                  |  |
| 64 | <b>91005</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Châu Thành</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành</b>               |  |
| 65 | 91024        | Trạm y tế thị trấn Minh Lương          | Xã           | Chưa xếp hạng | Thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành                                       |  |
| 66 | 91502        | Trạm y tế xã Bình An                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành                                 |  |
| 67 | 91503        | Trạm y tế xã Giục Tượng                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Minh Tân, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành                                |  |
| 68 | 91504        | Trạm y tế xã Minh Hòa                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp An Khương, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành                                 |  |
| 69 | 91505        | Trạm y tế xã Mong Thọ A                | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Mong Thọ A, huyện Châu Thành                                             |  |
| 70 | 91506        | Trạm y tế xã Mong Thọ B                | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành                                             |  |
| 71 | 91507        | Trạm y tế xã Thanh Lộc                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thanh Lộc, huyện Châu Thành                                              |  |
| 72 | 91508        | Trạm y tế xã Vĩnh Hòa Hiệp             | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành                         |  |
| 73 | 91509        | Trạm y tế xã Vĩnh Hòa Phú              | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành                              |  |
| 74 | 91510        | Trạm y tế xã Mong Thọ                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Mong Thọ, huyện Châu Thành.                                              |  |
| 75 | <b>91013</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Kiên Lương</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 2</b> | <b>khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương</b>              |  |
| 76 | 91021        | Trạm y tế thị trấn Kiên Lương          | Xã           | Chưa xếp hạng | Đường Ngô Thời Nhiệm, khu Phố Ngã Ba, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương |  |
| 77 | 91031        | Trạm y tế xã Bình Trị                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Rạch Đùng, xã Bình Trị, huyện Kiên Lương                                 |  |
| 78 | 91552        | Trạm y tế xã Bình An                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương                                  |  |
| 79 | 91553        | Trạm y tế xã Dương Hòa                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Ngã Tư, xã Dương Hòa huyện Kiên Lương                                    |  |
| 80 | 91554        | Trạm y tế xã Hòa Điền                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Thanh Lợi, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương                                 |  |
| 81 | 91558        | Trạm y tế xã Sơn Hải                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Hòn Heo, xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương                                    |  |



|    |              |                                      |              |               |                                                                |  |
|----|--------------|--------------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------------------------------|--|
| 82 | 91559        | Trạm y tế xã Hòn Nghệ                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bãi Chường, xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương                   |  |
| 83 | 91560        | Trạm y tế xã Kiên Bình               | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương                    |  |
| 84 | <b>91003</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Hòn Đất</b>  | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Tổ 7, khu phố Chôm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất</b> |  |
| 85 | 91022        | Trạm y tế thị trấn Hòn Đất           | Xã           | Chưa xếp hạng | Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất                                |  |
| 86 | 91035        | Trạm y tế xã Sơn Bình                | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 2, ấp Mương Kinh, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất                |  |
| 87 | 91302        | Trạm y tế xã Bình Sơn                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất                      |  |
| 88 | 91303        | Trạm y tế xã Bình Giang              | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Kinh Tư, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất                       |  |
| 89 | 91304        | Trạm y tế xã Mỹ Hiệp Sơn             | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất                    |  |
| 90 | 91305        | Trạm y tế xã Mỹ Lâm                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất                                       |  |
| 91 | 91306        | Trạm y tế xã Nam Thái Sơn            | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 2, Ấp Sơn Hòa, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất               |  |
| 92 | 91307        | Trạm y tế xã Sơn Kiên                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất                        |  |
| 93 | 91308        | Trạm y tế thị trấn Sóc Sơn           | Xã           | Chưa xếp hạng | Thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất                                |  |
| 94 | 91309        | Trạm y tế xã Thổ Sơn                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 8, Ấp Hòn Me, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất                     |  |
| 95 | 91310        | Trạm y tế xã Mỹ Phước                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Phước Thạnh, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất                     |  |
| 96 | 91313        | Trạm y tế xã Mỹ Thuận                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Cản Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất                         |  |
| 97 | 91314        | Trạm y tế xã Linh Huỳnh              | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 4 ấp Vàm Biển, xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất                 |  |
| 98 | 91315        | Trạm y tế xã Mỹ Thái                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Mỹ Thái, xã Mỹ Thái, huyện Hòn Đất                          |  |
| 99 | <b>91004</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Tân Hiệp</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>khu phố B, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp</b>            |  |

|     |              |                                         |              |               |                                                           |  |
|-----|--------------|-----------------------------------------|--------------|---------------|-----------------------------------------------------------|--|
| 100 | 91023        | Trạm y tế thị trấn Tân Hiệp             | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 145 A8, khu phố B, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp   |  |
| 101 | 91402        | Trạm Y tế xã Tân Hiệp A                 | Xã           | Chưa xếp hạng | KDC ấp Tân Quới, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp            |  |
| 102 | 91403        | Trạm Y tế xã Tân Hiệp B                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 609, ấp Tân Hòa A, xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp       |  |
| 103 | 91404        | Trạm Y tế xã Tân Hội                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Đập Đá, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp                     |  |
| 104 | 91405        | Trạm y tế xã Thanh Đông                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Thanh Tây, xã Thanh Đông, huyện Tân Hiệp               |  |
| 105 | 91406        | Trạm Y tế xã Thanh Đông A               | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Đông Phước, xã Thanh Đông A, huyện Tân Hiệp            |  |
| 106 | 91407        | Trạm Y tế xã Thanh Đông B               | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 10, ấp Đông Thạnh, xã Thanh Đông B, huyện Tân Hiệp     |  |
| 107 | 91408        | Trạm Y tế xã Thanh Trị                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Đông Thọ B, xã Thanh Trị, huyện Tân Hiệp               |  |
| 108 | 91409        | Trạm y tế xã Tân Thành                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp                 |  |
| 109 | 91410        | Trạm Y tế xã Tân An                     | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Tân Long, xã Tân An, huyện Tân Hiệp                    |  |
| 110 | 91043        | Trạm y tế xã Tân Hòa                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Tân Hòa B, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp                  |  |
| 111 | <b>91006</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Giồng Riềng</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 2</b> | <b>Khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng</b> |  |
| 112 | 91025        | Trạm y tế thị trấn Giồng Riềng          | Xã           | Chưa xếp hạng | Khu Khố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng        |  |
| 113 | 91040        | Trạm y tế xã Thanh Bình                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thanh Bình, huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang          |  |
| 114 | 91602        | Trạm y tế xã Bàn Tân Định               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng                        |  |
| 115 | 91603        | Trạm y tế xã Hòa An                     | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Hòa An, huyện Giồng Riềng                              |  |
| 116 | 91604        | Trạm y tế xã Hòa Hưng                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng                            |  |
| 117 | 91605        | Trạm y tế xã Hòa Lợi                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng                             |  |
| 118 | 91606        | Trạm y tế xã Hòa Thuận                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng                           |  |
| 119 | 91607        | Trạm y tế xã Long Thạnh                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng                          |  |

|     |              |                                     |              |               |                                                              |  |
|-----|--------------|-------------------------------------|--------------|---------------|--------------------------------------------------------------|--|
| 120 | 91608        | Trạm y tế xã Ngọc Chúc              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng                              |  |
| 121 | 91609        | Trạm y tế xã Thạnh Hòa              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng                              |  |
| 122 | 91610        | Trạm y tế xã Thạnh Hưng             | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng                             |  |
| 123 | 91611        | Trạm y tế xã Thạnh Lộc              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng                              |  |
| 124 | 91612        | Trạm y tế xã Thạnh Phước            | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng                            |  |
| 125 | 91613        | Trạm y tế xã Vĩnh Thạnh             | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng                             |  |
| 126 | 91614        | Trạm y tế xã Ngọc Thuận             | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng                             |  |
| 127 | 91615        | Trạm y tế xã Bàn Thạch              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng                              |  |
| 128 | 91616        | Trạm y tế xã Ngọc Thành             | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng                             |  |
| 129 | 91618        | Trạm y tế xã Ngọc Hòa               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng                               |  |
| 130 | 91619        | Trạm y tế xã Vĩnh Phú               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng                               |  |
| 131 | <b>91007</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Gò Quao</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Khu phố Phước Hưng 1, thị trấn Gò quao, huyện Gò Quao</b> |  |
| 132 | 91026        | Trạm y tế thị trấn Gò Quao          | Xã           | Chưa xếp hạng | Thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao                              |  |
| 133 | 91702        | Trạm y tế xã Định An                | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Định An, huyện Gò Quao                                    |  |
| 134 | 91703        | Trạm y tế xã Định Hòa               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Định Hòa, huyện Gò Quao                                   |  |
| 135 | 91704        | Trạm y tế xã Thới Quản              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thới Quản, huyện Gò Quao                                  |  |
| 136 | 91705        | Trạm y tế xã Thủy Liễu              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao                                  |  |
| 137 | 91706        | Trạm y tế xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc      | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao                          |  |
| 138 | 91707        | Trạm y tế xã Vĩnh Hòa Hưng Nam      | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao                          |  |
| 139 | 91708        | Trạm y tế xã Vĩnh Phước A           | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao                               |  |
| 140 | 91709        | Trạm y tế xã Vĩnh Phước B           | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Phước B, huyện Gò Quao                               |  |
| 141 | 91710        | Trạm y tế xã Vĩnh Tuy               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao                                   |  |
| 142 | 91711        | Trạm y tế xã Vĩnh Thắng             | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao                                 |  |
| 143 | <b>91008</b> | <b>Trung tâm y tế huyện An Biên</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Quốc lộ 63, khu vực 3, thị trấn thứ 3, huyện An Biên</b>  |  |
| 144 | 91027        | Trạm y tế thị trấn Thứ 3            | Xã           | Chưa xếp hạng | Thị trấn Thứ 3, huyện An Biên                                |  |
| 145 | 91802        | Trạm y tế xã Hưng Yên               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Hưng Yên, huyện An Biên                                   |  |
| 146 | 91803        | Trạm y tế xã Nam Thái               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Nam Thái, huyện An Biên                                   |  |
| 147 | 91804        | Trạm y tế xã Nam Thái A             | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Nam Thái A, huyện An Biên                                 |  |
| 148 | 91805        | Trạm y tế xã Nam Yên                | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Nam Yên, huyện An Biên                                    |  |
| 149 | 91806        | Trạm y tế xã Đông Thái              | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Đông Thái, huyện An Biên                                  |  |
| 150 | 91807        | Trạm y tế xã Đông Yên               | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Đông Yên, huyện An Biên                                   |  |

|     |              |                                           |              |               |                                                        |  |
|-----|--------------|-------------------------------------------|--------------|---------------|--------------------------------------------------------|--|
| 151 | 91808        | Trạm y tế xã Tây Yên                      | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Tây Yên, huyện An Biên                              |  |
| 152 | 91809        | Trạm y tế xã Tây Yên A                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Tây Yên A, huyện An Biên                            |  |
| 153 | <b>91009</b> | <b>Trung tâm y tế huyện An Minh</b>       | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>khu phố II, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh</b>      |  |
| 154 | 91020        | Trạm Y tế xã Tân Thạnh                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Xẻo Nhàu B, xã Tân Thạnh, huyện An Minh             |  |
| 155 | 91903        | Trạm Y tế xã Đông Hưng                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp 10 Chợ, xã Đông Hưng, huyện An Minh                 |  |
| 156 | 91904        | Trạm Y tế xã Đông Hưng A                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Rọ Ghe, xã Đông Hưng A, huyện An Minh               |  |
| 157 | 91905        | Trạm Y tế xã Đông Hưng B                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Danh Còi, xã Đông Hưng B, huyện An Minh             |  |
| 158 | 91906        | Trạm Y tế xã Đông Hòa                     | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp 9 Xáng, xã Đông Hòa, huyện An Minh                  |  |
| 159 | 91907        | Trạm Y tế xã Đông Thạnh                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Thạnh An, xã Đông Thạnh, huyện An Minh              |  |
| 160 | 91908        | Trạm Y tế xã Thuận Hòa                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bần B, xã Thuận Hòa, huyện An Minh                  |  |
| 161 | 91909        | Trạm Y tế xã Vân Khánh                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Kim Qui B, xã Vân Khánh, huyện An Minh              |  |
| 162 | 91910        | Trạm Y tế xã Vân Khánh Đông               | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Minh Giồng, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh        |  |
| 163 | 91911        | Trạm Y tế xã Vân Khánh Tây                | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Kim Qui A1, xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh         |  |
| 164 | 91028        | Trạm y tế thị trấn Thứ 11                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Thị trấn thứ 11, huyện An Minh                         |  |
| 165 | <b>91012</b> | <b>Trung tâm y tế huyện Kiên Hải</b>      | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Áp II, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải</b>               |  |
| 166 | 91121        | Trạm y tế xã An Sơn                       | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Cù Tron, xã An Sơn, huyện Kiên Hải                  |  |
| 167 | 91124        | Trạm y tế xã Nam Du                       | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp An Phú, xã Nam Du, huyện Kiên Hải                   |  |
| 168 | 91453        | Trạm y tế xã Lại Sơn                      | Xã           | Chưa xếp hạng | Áp Bãi Nhà A, xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải               |  |
| 169 | <b>91039</b> | <b>Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Áp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng</b> |  |
| 170 | 91254        | Trạm y tế xã Vĩnh Hòa                     | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng                       |  |

|     |              |                                         |              |               |                                                               |  |
|-----|--------------|-----------------------------------------|--------------|---------------|---------------------------------------------------------------|--|
| 171 | 91257        | Trạm y tế xã Minh Thuận                 | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng                            |  |
| 172 | 91259        | Trạm y tế xã Hòa Chánh                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng                             |  |
| 173 | 91810        | Trạm y tế xã Thạnh Yên                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng                             |  |
| 174 | 91811        | Trạm y tế xã Thạnh Yên A                | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Thượng                           |  |
| 175 | 91902        | Trạm y tế xã An Minh Bắc                | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng                           |  |
| 176 | <b>91038</b> | <b>Trung tâm Y tế huyện Giang Thành</b> | <b>Huyện</b> | <b>Hạng 3</b> | <b>Quốc Lộ N1, ấp Giồng Kè, xã Phú Lợi, huyện Giang Thành</b> |  |
| 177 | 91555        | Trạm y tế xã Phú Mỹ                     | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 3, ấp Trà Phô, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành                |  |
| 178 | 91556        | Trạm y tế xã Tân Khánh Hòa              | Xã           | Chưa xếp hạng | Số 109 ấp Hòa Khánh, xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành      |  |
| 179 | 91557        | Trạm y tế xã Vĩnh Điều                  | Xã           | Chưa xếp hạng | Tổ 5 ấp Nha Sáp, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành              |  |
| 180 | 91561        | Trạm y tế xã Vĩnh Phú                   | Xã           | Chưa xếp hạng | Ấp Mẹt Lung, xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành                   |  |
| 181 | 91562        | Trạm y tế xã Phú Lợi                    | Xã           | Chưa xếp hạng | Xã Phú Lợi, huyện Giang Thành                                 |  |